

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 01-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Bình

2. Bà Hà Thị Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Thao Chông T** - Sinh năm 1962.

Nơi sinh: Xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Thao Sậy L, đã chết; Con bà: Hơ Thị S, đã chết; Vợ: Hơ Thị M, sinh năm 1966; con có 04, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2018 chuyển tạm giam ngày 24/02/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Họ và tên: **Ngân Văn Đ** - Sinh năm 1986.

Nơi sinh: Xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Càn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Ngân Văn S, sinh năm 1963; Con bà: Hà Thị H, sinh năm 1963; Vợ: Vi Thị Lịch, sinh năm 1985; con có 02, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án: 01 (Một), ngày 27/8/2015, Ngân Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử tại bản án số 30/2015/HSST và xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tháng 9/2017 mãn hạn tù trở về

địa phương sinh sống cho đến khi có hành vi phạm tội và bị cáo chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án trên.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2018 chuyển tạm giam ngày 25/02/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Hà Văn K, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 18/02/2018 Ngân Văn Đ đi bán tôm, cá và vào nhà Thao Chồng T chơi. Tại đây, Đ và T bàn với nhau đi mua quả thuốc phiện về bán kiếm lời, T là người đi mua quả thuốc phiện, còn Đ là người tìm người mua để bán quả thuốc phiện (*Hai người không thống nhất là địa điểm mua quả thuốc phiện ở đâu, chỉ thống nhất Đ là người đi bán quả thuốc phiện tại thị trấn Mường Lát*). Sau khi bàn bạc xong, thì Đ về nhà, đến chiều cùng ngày T đi từ nhà mình sang bản Khảm Nàng (Lào) gặp và mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, được 01 bì quả thuốc phiện tương đương số tiền là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng chẵn). Mua xong quả thuốc phiện, T theo đường mòn cũ quay về nhà mình, sau đó lấy xe máy chở bì quả thuốc phiện xuống chòi rẫy của gia đình cất dấu để chờ Đ đến lấy mang đi bán. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 20/02/2018, T liên lạc với Đ không được nên sợ quả bì thuốc phiện bị hỏng, nên T đã chở bì quả thuốc phiện đến nhà Đ ở bản Cấn, xã Tam Chung để bàn việc bán số quả thuốc phiện này. Sau khi T đến nhà Đ, hai người thống nhất Đ là người đi lên thị trấn Mường Lát tìm người mua để bán quả thuốc phiện. Nói xong Đ cất dấu bì quả thuốc phiện vào góc bếp nhà mình rồi đi lên thị trấn Mường Lát, còn Tho thì đi về nhà.

Đến ngày 21/02/2018 do sốt ruột vì chưa thấy Đ liên lạc lại cho T, đã bán được quả thuốc phiện hay chưa? nên T đi xe máy lên nhà Đ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày T và Đ mang quả thuốc phiện đi lên thị trấn Mường Lát gặp ai hỏi mua thì bán. Trước khi đi, Đ cho số quả thuốc phiện vào trong một thùng xốp màu trắng buộc lên xe máy của T. Khi đi Đ sử dụng xe máy của gia đình đi trước, còn T chở thùng quả thuốc phiện đi sau. Đi được một đoạn khoảng 02km thì T không thấy Đ ở đâu, T quay lại chỗ gần nhà Đ để gửi thùng quả thuốc phiện. Khi T vừa dừng xe máy lại thì bị lực lượng Công an huyện Mường Lát kiểm tra, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm:

01 thùng xốp màu trắng có kích thước 48cmx35cmx32cm bên trong có chứa các quả hình bầu dục màu xanh vàng; 01 điện thoại di động NOKIA A1 màu đen, máy dạng bấm bàn phím, máy đã qua sử dụng; 01 xe máy biển kiểm soát 36K1-

008.97, nhãn hiệu SIRIUS, màu sơn xanh đen, không có gương chiếu hậu trái, khóa cốp xe đã hỏng..., xe đã qua sử dụng.

Đối với Ngân Văn Đ biết không thể trốn thoát về hành vi phạm tội của mình, nên ngày 22/02/2018 Đ đã ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số: 511/MT-PC54 ngày 24/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các quả hình bầu dục màu vàng xanh kích thước to nhỏ khác nhau của thùng xốp niêm phong gửi giám định là quả thuốc phiện, có tổng trọng lượng là 7,9 kg (Bảy phẩy chín kilogam).

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 27/CT-VKS-ML ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố:

Bị cáo Thao Chổng T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm g, khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Ngân Văn Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 17; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g, khoản 2 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Tho;

Áp dụng: Điều 17; điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h, khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Ngân Văn Điệp;

Hình phạt chính: Đề nghị Thao Chổng T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam; Ngân Văn Đ từ 38 đến 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy số quả thuốc phiện đã thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động NOKIA A1, điện thoại đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, các Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi mua bán chất ma túy để kiếm lời là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không tìm chế được bản thân mới đi bán quả thuốc phiện để lấy tiền mua ma túy sử dụng; Bị cáo Ngân Văn Đ có thay đổi một phần trong lời khai tại quá trình điều tra, đó là Bị cáo không được bàn bạc với bị cáo T về việc sang Lào đi mua quả thuốc phiện, thay đổi này phù hợp với lời khai của Thao Chổng T; các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi

phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số; lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; đặc biệt là bị cáo Thao Chông T là người dân tộc Mông, từ nhỏ sống ở khu vực giáp biên giới và tuổi đã cao, dẫn đến hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đông con và con đang còn nhỏ. Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét áp một số quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 để đưa ra phán quyết cho các bị cáo mức án phù hợp đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo bị cáo và miễn tiền án phí HSST cho các bị cáo.

Các Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận; lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để các bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội, làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định số: 511/MT-PC54 ngày 24/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 18/02/2018 các bị cáo đã bàn nhau đi mua quả thuốc phiện đem về để bán kiếm lời, các bị cáo đã có sự phân công, là bị cáo T là người bỏ tiền ra đi mua quả thuốc phiện, bị cáo Đ là người đi bán quả thuốc phiện, sau đó về chia nhau số tiền lời. Chiều cùng ngày, T đã sang bản Khảm Nàng (Lào) mua của một người phụ nữ dân tộc Mông 01 bì quả thuốc phiện với số tiền là 700.000đ sau đó đem về chòi rẫy của nhà bị cáo cất giấu rồi đem đến nhà Đ để Đ đem đi bán. Đến ngày 21/02/2018, T không thấy Đ liên lạc lại việc đã bán được quả thuốc phiện hay

chưa, nên T đi xe máy đến nhà Đ. Khi đến nhà Đ thì quả thuốc phiện chưa bán được nên Đ và T bàn nhau chở quả thuốc phiện lên Thị trấn Mường Lát để bán, Đ bỏ quả thuốc phiện lên xe của T, T là người chở quả thuốc phiện để đem đi bán. Đ là người đi trước, T là người đi sau, khi hai người đi được một đoạn thì T không thấy Đ ở đâu, nên T đã đem số quả thuốc phiện này quay lại chỗ gần nhà Đ để gửi quả thuốc phiện, khi vừa dừng xe thì T bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Tổng trọng lượng số quả thuốc phiện thu giữ của các bị cáo là 7,9kg (Bảy phẩy chín kilogam).

Đối với Thao Chổng T, bị cáo biết rõ nơi bị cáo mua quả thuốc phiện là bản Khảm Nàng (Lào), nhưng bị vẫn vượt biên giới trái phép qua đường tiểu ngạch để mua quả thuốc phiện với mục đích đem về bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm g, khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Ngân Văn Đ, bị cáo đã được bàn bạc với T là đi mua quả thuốc phiện về bán kiếm lời, nhưng không cụ thể nơi mua quả thuốc phiện, không biết T mua quả thuốc phiện ở đâu, chỉ nhận trách nhiệm là người đi bán quả thuốc phiện rồi cùng chia lợi nhuận, phù hợp với lời khai của bị cáo T tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Các bị cáo là người có nhận thức, biết việc mua bán trái phép quả thuốc phiện để bán kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện tội phạm; Các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công công việc cho từng người, nên đây là vụ án đồng phạm, nhưng thuộc loại đồng phạm giản đơn. Bị cáo Thao Chổng T phạm tội rất nghiêm trọng theo tình tiết định khung, bị cáo Ngân Văn Đ phạm tội nghiêm trọng; Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự nơi biên giới, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp kích thích cho việc tái trồng cây thuốc phiện tại địa phương, nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, HĐXX cho cả 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015; bị cáo Ngân Văn Đ đã ra đầu thú, giúp cơ quan chức năng giải quyết nhanh và dứt điểm vụ án nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo Thao Chổng T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo Ngân Văn Đ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h (Tái phạm), khoản 1 điều 52 BLHS năm 2015.

[5] Về hình: Đối với Thao Chổng T: Với những phân tích như trên và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo, HĐXX xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt vẫn đủ sức nghiêm trị và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết.

Đối với Ngân Văn Đ, bị cáo đã phải đi chấp hành hình phạt tù về loại tội ma túy, chưa được xóa án tích, mà lại tiếp tục phạm tội, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nên bị cáo phải chịu một mức án dài, tương xứng với hành vi phạm tội của mình, để bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Theo quy định tại khoản 5, Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Nhưng xét thấy cả 02 bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo; đều là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản đảm bảo thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án:

- HĐXX chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại 01 xe máy BKS 36K1-008.97 cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Thao Văn P.

- Số quả thuốc phiện thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA A1, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Thao Chổng T không phải là công cụ phạm tội, trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[8] Các nhận định khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông công dân Lào, là người đã bán quả thuốc phiện cho bị cáo Thao Chổng T. Cơ quan có thẩm quyền sẽ tiếp tục làm rõ để xử lý ở vụ án khác.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điểm g, khoản 2 điều 251; điều 17; điều 38; điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thao Chổng T;
- Khoản 1 điều 251; điều 17; điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ngân Văn Đ;

Tuyên bố: Bị cáo Thao Chổng T và bị cáo Ngân Văn Đ phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo Thao Chổng T **07** (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21/02/2018); Xử phạt Bị cáo Ngân

Văn Đ **03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (22/02/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ: điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 07kg quả thuốc phiện và 0,5kg phần cuống còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một khối hình hộp chữ nhật kích thước 48cmx35cmx32cm được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lê Kim Anh Tuấn cùng các hình dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Thùng niêm phong còn nguyên vẹn.

- Trả lại cho bị cáo Thao Chồng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA A1, dạng bấm bàn phím, điện thoại đã qua sử dụng.

Tất cả các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2018 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Căn cứ: Điều 331, điều 333, điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Án xử công khai; có mặt các bị cáo và người bào chữa. Các Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT-Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát;
- Trại tạm giam-Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng